

**KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND XÃ NĂM 2026**

( Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND, ngày 26 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Thạch An)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng người	Số ngày; buổi; văn bản	Số lần; kỳ họp; kỳ giám sát	Định mức (Đồng)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8
<b>I</b>	<b>Chi hoạt động phục vụ kỳ họp HĐND xã (Điều 4)</b>						<b>58.260.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi kỳ họp HĐND</b>						<b>58.260.000</b>
<b>a</b>	<i>Chi soạn thảo báo cáo kết quả tham tra của các Ban HĐND với các báo cáo, dự thảo Nghị quyết của UBND, các ngành trình kỳ họp</i>	Đồng/kỳ họp		4	4	250.000	4.000.000
<b>b</b>	<i>Chi cho cá nhân tham gia cuộc họp thẩm tra</i>						<b>2.560.000</b>
-	Chủ trì cuộc họp	Đồng/người/buổi	2		4	80.000	640.000
-	Thành viên dự họp	Đồng/người/buổi	8		4	50.000	1.600.000
-	Người phục vụ cuộc họp	Đồng/người/buổi	2		4	40.000	320.000
<b>c</b>	<b>Chi nghiên cứu các tài liệu trước khi thẩm tra của thành viên các Ban Hội đồng nhân dân</b>						<b>4.800.000</b>
-	Thành viên các Ban	Đồng/ 1 kỳ họp	4		4	200.000	3.200.000
-	Thành viên các Ban chuyên trách	Đồng/ 1 văn bản thẩm tra	2		4	200.000	1.600.000
<b>d</b>	<b>Chi nghiên cứu các tài liệu, báo cáo, đề án, hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thường lệ Hội đồng nhân dân</b>						<b>3.600.000</b>
-	Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách kỳ họp (thường lệ)	Đồng/người/1 kỳ họp	3		2	400.000	2.400.000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng người	Số ngày; buổi; văn bản	Số lần; kỳ họp; kỳ giám sát	Định mức (Đồng)	Thành tiền
-	Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách kỳ họp (chuyên đề)	Đồng/người/1 kỳ họp	3		2	200.000	1.200.000
<b>d</b>	<b>Chi xây dựng báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết và các văn bản trình kỳ họp</b>						<b>10.900.000</b>
-	Xây dựng Tờ trình, dự thảo nghị quyết là văn bản cá biệt do Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân trình kỳ họp; Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tổ; Biên bản kỳ họp; Tổng hợp câu hỏi chất vấn của đại biểu tại kỳ họp	Đồng/văn bản		10	4	200.000	8.000.000
-	Soạn thảo các văn bản khai mạc kỳ họp, bế mạc kỳ họp, Báo cáo rút kinh nghiệm kỳ họp	Đồng/văn bản		2	4	150.000	1.200.000
-	Xây dựng các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân trình kỳ họp theo quy định của Pháp luật	Đồng/văn bản		1	4	200.000	800.000
-	Xây dựng chương trình; kế hoạch công tác nhiệm kỳ; Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của HĐND, thường trực HĐND, các Ban HĐND theo quy định của Pháp luật	Đồng/văn bản		3	1	300.000	900.000
<b>e</b>	<b>Chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật hoàn thiện nghị quyết sau khi thông qua</b>	<b>Đồng/1 nghị quyết</b>		<b>10</b>	<b>4</b>	<b>200.000</b>	<b>8.000.000</b>
<b>g</b>	<b>Chi bồi dưỡng các ngày diễn ra kỳ họp</b>						<b>3.600.000</b>
-	Chủ tọa điều hành kỳ họp	Đồng/người/ngà y	2	4		200.000	1.600.000
-	Thư ký kỳ họp	Đồng/người/ngà y	2	4		150.000	1.200.000
-	Cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp phục vụ kỳ họp	Đồng/người/ngà y	2	4		100.000	800.000
<b>h</b>	<b>Chi tiền ăn (Bao gồm đồ uống), giải khát giữa buổi cho đại biểu HĐND và thành phần tham dự kỳ họp</b>						<b>20.800.000</b>
-	Chi tiền ăn (Bao gồm đồ uống), giải khát giữa buổi cho đại biểu HĐND và thành phần tham dự kỳ họp thường lệ	Đồng/người/ngà y	37	2		200.000	14.800.000
-	Chi tiền ăn (bao gồm đồ uống), giải khát giữa buổi cho Đại biểu HĐND và thành phần tham dự kỳ họp chuyên đề	Đồng/người/ngà y	30	2		100.000	6.000.000

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng người	Số ngày; buổi; văn bản	Số lần; kỳ họp; kỳ giám sát	Định mức (Đồng)	Thành tiền
<b>II</b>	<b>Phiên họp của TT HĐND, các ban HĐND; họp lấy ý kiến đóng góp và dự thảo luật, pháp lệnh; tham vấn ý kiến nhân dân</b>						<b>3.800.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi bồi dưỡng phiên họp của TT HĐND, các Ban HĐND</b>						<b>3.800.000</b>
-	Chủ trì phiên họp	Đồng/người/phiên họp	1		4	80.000	320.000
-	Thành viên tham dự	Đồng/người/phiên họp	10		4	50.000	2.000.000
-	Nhân viên phục vụ	Đồng/người/phiên họp	1		4	40.000	160.000
-	Chi tiền chè, nước giải khát	Đồng/người/phiên họp	11		4	30.000	1.320.000
<b>III</b>	<b>Mức chi cho công tác giám sát, khảo sát ( Điều 5)</b>						<b>11.160.000</b>
<b>1</b>	<b>Mức chi xây dựng văn bản phục vụ giám sát, khảo sát</b>						<b>6.300.000</b>
-	Chi xây dựng Quyết định thành lập đoàn giám sát, khảo sát	Đồng/1 văn bản		3	3	200.000	<b>1.800.000</b>
-	Chi xây dựng kế hoạch và đề cương giám sát, khảo sát	Đồng/1 văn bản		3	3	200.000	<b>1.800.000</b>
-	Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát chung của đoàn giám sát; báo cáo kết quả khảo sát chung của đoàn khảo sát	Đồng/1 văn bản		3	3	300.000	<b>2.700.000</b>
<b>2</b>	<b>Chi cho đoàn giám sát, khảo sát và các cuộc họp giám sát, khảo sát</b>						<b>4.860.000</b>
-	Trưởng đoàn	Đồng/người/buổi	3		3	100.000	900.000
-	Thành viên, đại biểu mời tham gia hoạt động giám sát, khảo sát	Đồng/người/buổi	16		3	80.000	3.840.000
-	Nhân viên phục vụ	Đồng/người/buổi	1		3	40.000	120.000
<b>IV</b>	<b>Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri (Điều 6)</b>						<b>96.500.000</b>

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng người	Số ngày; buổi; văn bản	Số lần; kỳ họp; kỳ giám sát	Định mức (Đồng)	Thành tiền
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ cho mọi điểm tiếp xúc cử tri theo kế hoạch (bao gồm: Trang trí khánh tiết, âm thanh, nước uống và một số khoản chi khác)</b>						<b>91.500.000</b>
-	Đối với hội nghị tập chung						
	+ Sau kỳ họp thứ 4	Đồng/điểm		13	1	1.500.000	19.500.000
	+ Nhiệm kỳ 2026-2031	Đồng/điểm		12	4	1.500.000	72.000.000
<b>2</b>	<b>Chi xây dựng văn bản phục vụ tiếp xúc cử tri</b>						<b>5.000.000</b>
-	Chi soạn thảo kế hoạch tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND và đề cương kèm theo (nếu có)	Đồng/Kế hoạch		2	2	250.000	1.000.000
-	Chi xây dựng Báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị của cử tri của HĐND các cấp	Đồng/báo cáo		4	4	250.000	4.000.000
<b>V</b>	<b>Phụ cấp của đại biểu HĐND, chi hỗ trợ đối với đại biểu HĐND</b>						<b>40.996.800</b>
<b>1</b>	<b>Chi hỗ trợ đối với các chức vụ kiêm nhiệm của HĐND</b>						<b>32.572.800</b>
-	Trưởng ban	Mức lương cơ sở/người/tháng	2		12	351.000	8.424.000
-	Phó trưởng ban	Mức lương cơ sở/người/tháng	2		12	304.200	7.300.800
-	Thành viên các Ban HĐND	Mức lương cơ sở/người/tháng	6		12	234.000	16.848.000
<b>2</b>	<b>Chi hỗ trợ đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách</b>						<b>8.424.000</b>
-	Đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách	Mức lương cơ sở/người/tháng	1		12	702.000	8.424.000
<b>VI</b>	<b>Các chế độ khác phục vụ hoạt động của HĐND (Điều 10)</b>						<b>19.300.000</b>

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng người	Số ngày; buổi; văn bản	Số lần; kỳ họp; kỳ giám sát	Định mức (Đồng)	Thành tiền
<b>1</b>	<b>Chi thăm hỏi, trợ cấp ốm đau, tang lễ</b>						<b>18.000.000</b>
-	Chi thăm hỏi, ốm đau: Đại biểu HĐND; nguyên là Thường trực HĐND, Lãnh đạo các Ban HĐND và Lãnh đạo Văn phòng phục vụ hoạt động của HĐND đã nghỉ hưu	Đồng/người/lần	2		1	1.000.000	2.000.000
-	Trường hợp Đại biểu HĐND bị bệnh hiểm nghèo ( <i>chi không quá 02 lần/đại biểu/năm</i> )	Đồng/người/lần	2		1	3.000.000	6.000.000
-	Chi trợ cấp đối với gia đình các đối tượng sau nêu từ trần: Đại biểu HĐND; bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ ( <i>chồng</i> ); vợ ( <i>chồng</i> ), con của đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm; nguyên là Thường trực HĐND, Lãnh đạo Ban HĐND, Lãnh đạo Văn phòng phục vụ hoạt động của HĐND đã nghỉ hưu ( <i>không bao gồm vòng hoa, lễ viếng được thanh toán theo thực tế</i> )	Đồng/người/lần	4		1	2.000.000	8.000.000
-	Trường hợp gia đình đại biểu HĐND gặp khó khăn đột xuất như thiên tai, tai nạn, hỏa hoạn. Tùy theo hoàn cảnh và mức độ khó khăn, Thường trực HĐND quyết định.	Đồng/người/lần	2		1	1.000.000	2.000.000
<b>2</b>	<b>Chế độ tặng quà đối với các đối tượng chính sách - xã hội</b>						<b>1.300.000</b>
	<i>Chế độ tặng quà lưu niệm</i>						1.300.000
-	thôi làm nhiệm vụ đại biểu (do nghỉ hưu, chuyển công tác, lý do sức khỏe)	Đồng/đại biểu	Do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí được giao				
-	Đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách, cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND được tặng quà lưu niệm khi chuyển công tác, nghỉ hưu	Đồng/người	2		1	650.000	1.300.000
	<b>Tổng cộng</b>						<b>230.016.800</b>









